

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01/3/2024

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lan và bà Nguyễn Thị Phương Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 01/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 234/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 01/02/2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 05/02/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thúc T, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thúc T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 16/5/2019. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình

hai vợ chồng không hợp nhau, thường bất đồng quan điểm nên nhiều lần xảy ra cãi nhau. Có lần chị và anh T cãi nhau, anh T tát chị mấy cái nên chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn X, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh T và gia đình anh T có tới để đón chị về nhưng chị cảm thấy tình cảm không còn, hạnh phúc hôn nhân không hàn gắn được nên chị không đồng ý quay lại. Năm 2021, anh T qua nhà mẹ chị đưa đơn ly hôn, chị cũng đã ký nhưng anh T không mang đi nộp đơn. Đến nay đã hơn 03 năm kể từ khi vợ chồng chị ly thân, tình cảm không còn, không có cuộc sống chung nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, anh Nguyễn Thúc T trình bày: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chỉ có mâu thuẫn nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Khoảng 9-10 tháng sau khi kết hôn, do vợ chồng mâu thuẫn nên anh có tát chị N mấy cái. Đến ngày hôm sau, chị N đi làm rồi không về nhà, anh gọi điện nhưng chị N không nghe máy. Sau đó, nhiều lần anh sang nhà mẹ chị N nói chuyện để đón chị N về, đồng thời mẹ chị N cùng anh chị, họ hàng chị N tác động nhiều nhưng chị N không về sống với anh. Vợ chồng anh ly thân từ đó đến nay. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng do chị N vẫn kiên quyết ly hôn, anh không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn. Vợ chồng anh không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng do bận công việc, mẹ anh già yếu không có người trông nên anh xin vắng mặt.

Theo biên bản xác minh ngày 20/12/2023, UBND xã Đoàn Thượng, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cung cấp: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Thúc T đăng ký kết hôn vào năm 2019 tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Địa phương không biết mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị, chỉ thấy chị N bỏ đi không chung sống cùng anh T. Hiện nay, anh T vẫn đang sinh sống tại thôn C, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương. Chị N xin ly hôn anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N. Về hôn nhân: Xử cho chị N ly hôn anh T. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị N, bị đơn anh T. Xét thấy chị N và anh T đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Thúc T kết hôn vào năm 2019, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng ly thân từ năm 2020, không có cuộc sống chung. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng do chị N vẫn kiên quyết ly hôn, anh không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nên anh T đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần cho chị N ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị N, anh T không có con chung nên không phải giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N ly hôn anh Nguyễn Thúc T.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/23, số 0004467 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- UBND xã Đoàn Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh